

Số: /BC-STC

Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý giá tháng 10 năm 2023

I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

1. Tổng quan tình hình giá cả thị trường

Theo báo cáo giá thị trường của các huyện, thị xã, thành phố, cho thấy Giá cả thị trường hàng hóa và dịch vụ tháng 10/2023 tại Hải Dương là cơ bản ổn định và không có biến động bất thường.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2023 là 99,41%, giảm 0,59% so với tháng 9/2023, tăng 5,02% so với cùng tháng năm 2022.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 06 nhóm hàng giảm giá so với tháng trước, 05 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, cụ thể: 05 nhóm tăng là: Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép (0,03%); Nhóm thuốc và dịch vụ y tế (0,03%); Nhóm giáo dục (0,03%); Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác (0,28%). Giá vàng tháng này có biến động tăng, tăng 0,51% so với tháng trước; cùng với giá Vàng, giá Đô la Mỹ tháng này có biến động tăng, ở mức 1,22% so với tháng trước. Đây là những yếu tố biến động chính tác động đến tình hình giá cả thị trường chung và chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 10/2023.

Biểu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 năm 2023

(theo số liệu của Cục Thống kê Hải Dương)

Mã nhóm hàng	Nhóm hàng	Chỉ số giá so với (%)		
		Tháng trước	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước
	Chỉ số giá chung	99,41	105,02	105,63
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99,63	98,38	99,73
1	Lương thực	100,92	105,21	104,71
2	Thực phẩm	99,37	96,64	98,65
3	Ăn uống ngoài gia đình	100,00	102,28	101,60
II	Đồ uống và thuốc lá	99,82	100,97	100,74
III	May mặc, mũ nón, giày dép	100,03	99,92	99,87
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	98,42	129,69	130,51
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	99,75	100,47	100,33
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	100,03	100,69	100,53

VII	Giao thông	98,26	103,32	104,17
VIII	Buru chính viễn thông	100,00	99,73	99,72
IX	Giáo dục	100,03	100,54	100,51
X	Văn hoá, giải trí và du lịch	99,93	101,54	101,31
XI	Hàng hoá và dịch vụ khác	100,28	106,53	106,20
	Vàng 99,99%, kiểu nhẫn tròn	100,51	109,61	106,30
	Đô la Mỹ, loại tờ 50-100 USD	101,22	101,93	101,56

2. Diễn biến một số mặt hàng chủ yếu

2.1. Hàng lương thực

Chỉ số giá nhóm hàng lương thực trong tháng 10/2023 là 100,92%, tăng 0,92% so với tháng 9/2023, tăng 5,21% so với tháng 10/2022 và tăng 4,71% so với tháng 12/2022.

Nguyên nhân làm cho chỉ số nhóm lương thực tháng này có xu hướng tăng do thời gian vừa qua. Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu do nhu cầu tại các thị trường châu Á và châu Phi tăng lên, đặc biệt là sau khi Indonesia thông báo sẽ nhập khẩu 1,5 triệu tấn gạo dự trữ quốc gia đến cuối năm 2023 mà Việt Nam và Thái Lan là hai nguồn cung gạo chính. Qua tham khảo giá Cục thống kê tỉnh Hải Dương kết hợp điều tra trực tiếp một số mặt hàng phổ biến như sau: gạo tẻ thường (Khang dân hoặc tương đương) dao động từ 14.000-15.800 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon (Bắc thơm) từ 17.500-18.500 đồng/kg; giá gạo nếp từ 25.000-27.000 đồng/kg.

Giá cả các mặt hàng lương thực khác giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 09/2023.

2.2. Hàng thực phẩm

Chỉ số giá nhóm hàng thực phẩm trong tháng 10/2023 là 99,37%, giảm 0,63% so với tháng 9/2023, giảm 3,36 % so với tháng 10/2022. giảm 1,35% so với tháng 12/2022.

Nguyên nhân làm cho chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 0,63% so tháng trước là Tình hình dịch tả lợn châu Phi xuất hiện ở một số vùng khiến người dân bán lượng lợn lớn ra thị trường, trong khi sức mua chưa có nhiều cải thiện do người dân tiết kiệm chi tiêu nên giá bán lẻ giảm. Giá lợn hơi trong tháng biến động ở mức 60.000đ/kg - 68.000đ/kg. Do đó, giá của các mặt hàng thịt lợn thành phẩm cũng biến động giảm. Qua tham khảo giá Cục Thống kê tỉnh Hải Dương kết hợp điều tra trực tiếp một số mặt hàng phổ biến như sau: thịt lợn mỡ sấn giá 115.500đ/kg -120.000đ/kg; thịt lợn nạc thăn giá 115.000/kg-121.000đ/kg; thịt bò thăn, bò bắp (loại 1) giá 275.000đ/kg - 290.000đ/kg; gà ta còn sống giá 116.000đ/kg-123.000đ/kg.

Giá cả các mặt hàng rau xanh, củ quả trong tháng 10/2023 biến động giảm so với tháng 9/2023 do thời tiết thuận lợi để nhiều loại rau, quả phát triển nên lượng hàng cung cấp cho thị trường tăng. Qua tham khảo giá Cục Thống kê tỉnh Hải Dương kết hợp điều tra trực tiếp một số mặt hàng phổ biến như sau: bắp cải

trắng giá 15.000đ/kg - 16.000đ/kg; cà chua giá 18.500đ/kg - 20.000đ/kg; bí xanh giá 15.000đ/kg - 16.500đ/kg;...

Các mặt hàng thực phẩm khô, thực phẩm chế biến giá cả về cơ bản ổn định so với tháng 9/2023.

2.3. Hàng tư liệu sản xuất - vật liệu xây dựng

a) Vật tư phân bón

Giá cả các mặt hàng vật tư phân bón về cơ bản diễn biến ổn định, đảm bảo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Xăng, dầu

Giá các mặt hàng xăng, dầu trong tháng 10/2023 được điều chỉnh 03 lần, cụ thể:

- Từ 16h00 ngày 02/10/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 23.500 đồng/lít, giảm 690 đồng/lít; dầu Diesel 0,05S-II ổn định là 23.590 đồng/lít.

- Từ 16h00 ngày 11/10/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 21.900 đồng/lít; giảm 1.600 đồng/lít; dầu Diesel 0,05S-II là 22.410 đồng/lít giảm 1.180 đồng/lít.

- Từ 16h00 ngày 23/10/2023, giá xăng E5-RON 92-II là 22.360 đồng/lít, tăng 460 đồng/lít; dầu Diesel 0,05S-II là 22.480 đồng/lít tăng 70 đồng/lít.

c) Vật liệu xây dựng

Giá cả các mặt hàng vật liệu xây dựng trong tháng 10/2023 tại Hải Dương biến động ở một số mặt hàng sắt thép, cát đen đổ nền, ống nhựa giảm,.... Giá một số mặt hàng phổ biến hiện nay như sau:

Thép trơn xây dựng (loại Φ6-8): 14.250đ/kg – 15.895 đ/kg; Cát vàng đổ bê tông: 535.000 đ/m³ – 555.000 đ/m³; cát đen xây dựng: 210.000đ/m³ - 227.000 đ/m³; cát đen san lấp mặt bằng (đổ nền): 173.000đ/m³ – 190.000đ/m³; xi măng đen PCB30 Hoàng Thạch: 1.350 đ/kg - 1.425 đ/kg.

2.4. Vàng, đô la Mỹ

a) Giá vàng

Giá vàng tháng 10/2023 tăng theo giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng tăng 0,51% so tháng trước; tăng 9,61% so với cùng kỳ năm 2022; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 4,02%. Tính đến ngày 23/10/2023, bình quân giá vàng là 5.750 ngàn đồng/1 chỉ và tăng 29 ngàn đồng/1 chỉ so với tháng trước. Hiện nay, giá vàng có giá phổ biến ở mức từ 5.730 - 5.770 ngàn đồng/chỉ.

b) Đô la Mỹ

Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng này tăng 1,22% so với tháng trước; tăng 1,93% so với cùng kỳ năm 2022; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 2,45%. Giá bình quân của Đô la Mỹ loại tờ (50 - 100 USD) tháng này là 2.458.127 đồng/100USD, tăng 29.534 đồng/100USD so với tháng trước. Hiện nay, giá Đô la Mỹ trên thị trường Hải Dương đang có mức giá giao động từ 2.440.000 - 2.470.000 đồng/100USD.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ THÁNG 10 NĂM 2023

- Thẩm định giá nhà nước làm cơ sở tổ chức mua sắm tài sản công theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Hải Dương.

- Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá các loại VLXD phổ biến tại nơi tiêu thụ tập trung tháng 10 năm 2023 làm cơ sở lập, thẩm tra, điều chỉnh dự toán các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh trong tháng 9 năm 2023.

- Thực hiện các vụ việc về định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

- Xác định giá trị tài sản thanh lý, tài sản không cần dùng của một số cơ quan, đơn vị, tài sản kê biên của các cơ quan pháp luật để bán đấu giá theo quy định; tham mưu, đề xuất phương án điều chuyển tài sản theo nhu cầu sử dụng của các đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

- Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định phương án bồi thường GPMB các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đơn giá bồi thường về đất theo quy định.

- Một số công việc thường xuyên khác./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Thường trực tỉnh uỷ (để báo cáo) ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Phòng TC- KH các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, QLG-CS (T).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đồng Kim